

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of  International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trang

02-03

04

05-30

05-07

08

09

10-30

11/11/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tiền thân là Công ty Chế tạo Bơm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/01/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương theo Quyết định số 07/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 12/01/2004 và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp 0800287016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24/03/2004, thay đổi lần thứ 7 ngày 13/12/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Cách	Ủy viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Ngô Văn Mẫn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cách	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Đình Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Lệ Thủy	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Dương Việt Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Nam

Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 10 tháng 01 năm 2013



Số: 25 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương được lập ngày 10 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Trần Quang Mậu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		94.604.203.858	99.581.882.926
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.958.240.452	11.478.147.073
111	1. Tiền		10.958.240.452	6.478.147.073
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	5.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.000.000.000	1.400.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.000.000.000	1.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.235.779.809	44.698.535.730
131	1. Phải thu của khách hàng		36.318.280.293	41.997.128.512
132	2. Trả trước cho người bán		835.496.022	10.804.095.159
135	5. Các khoản phải thu khác	5	269.221.634	63.306.990
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.187.218.140)	(8.165.994.931)
140	IV. Hàng tồn kho	6	41.884.130.197	39.410.684.494
141	1. Hàng tồn kho		41.884.130.197	39.410.684.494
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.526.053.400	2.594.515.629
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		457.307.714	469.090.000
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	110.088.483	1.645.267.609
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.958.657.203	480.158.020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		68.479.768.667	25.360.246.138
220	II. Tài sản cố định		66.720.495.791	24.956.819.075
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	57.300.595.518	14.738.293.953
222	- Nguyên giá		93.618.650.565	45.415.314.366
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.318.055.047)	(30.677.020.413)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	2.205.812.378	2.368.824.536
228	- Nguyên giá		3.038.689.253	3.038.689.253
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(832.876.875)	(669.864.717)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	7.214.087.895	7.849.700.586
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.759.272.876	403.427.063
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.718.250.149	403.427.063
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.2	41.022.727	
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		163.083.972.525	124.942.129.064

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		113.960.788.798	72.313.575.474
310	I. Nợ ngắn hạn		95.040.948.903	70.399.015.076
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	27.732.210.980	7.767.478.405
312	2. Phải trả người bán		26.052.473.498	24.252.322.253
313	3. Người mua trả tiền trước		21.775.882.146	21.479.824.262
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	771.892.990	665.142.486
315	5. Phải trả người lao động		8.448.148.726	6.771.771.360
316	6. Chi phí phải trả	15	3.311.682.462	3.262.793.180
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	175.517.878	186.491.507
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		6.738.548.096	5.975.196.596
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		34.592.127	37.995.027
330	II. Nợ dài hạn		18.919.839.895	1.914.560.398
333	3. Phải trả dài hạn khác		500.000.000	1.549.885.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	17	6.594.991.410	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	364.675.398
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	18	11.824.848.485	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		49.123.183.727	52.628.553.590
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	49.123.183.727	52.628.553.590
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		27.586.800.000	27.586.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.121.612.131	4.121.612.131
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		10.105.505.854	9.305.505.854
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		650.000.000	650.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.659.265.742	10.964.635.605
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		163.083.972.525	124.942.129.064

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		225,83	225,83
- Đồng Bảng Anh (GBP)		196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)		1.923,55	1.923,55




Bùi Thị Lệ Thủy
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	176.228.366.398	152.587.929.825
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	61.242.909	1.394.726.558
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	176.167.123.489	151.193.203.267
11	4. Giá vốn hàng bán	23	137.829.996.370	113.129.864.265
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.337.127.119	38.063.339.002
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.482.735.754	1.309.683.986
22	7. Chi phí tài chính	25	2.617.500.814	844.499.129
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.342.558.724	844.499.129
24	8. Chi phí bán hàng	26	11.182.707.120	9.861.698.719
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	15.480.885.298	17.985.115.613
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		10.538.769.641	10.681.709.527
31	11. Thu nhập khác		195.559.211	356.732.636
32	12. Chi phí khác		189.134.000	13.992.530
40	13. Lợi nhuận khác		6.425.211	342.740.106
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.545.194.852	11.024.449.633
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28.1	2.737.971.442	2.854.793.243
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28.2	(41.022.727)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>7.848.246.137</u>	<u>8.169.656.390</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	2.845	3.630

Bùi Thị Lệ Thủy
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		201.556.400.698	151.244.616.340
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(137.162.090.588)	(106.510.655.184)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(20.612.879.227)	(20.372.217.889)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2.213.494.851)	(824.756.040)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.544.411.825)	(2.778.670.232)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		109.092.045	3.058.682.156
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.596.939.319)	(16.727.005.162)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		27.535.676.933	7.089.993.989
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(39.763.094.820)	(16.733.418.459)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	(15.163.710.676)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		400.000.000	15.163.710.676
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		953.203.281	675.423.709
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(39.409.891.539)	(16.057.994.750)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	14.620.900.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		55.314.111.167	11.611.663.257
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(28.754.387.182)	(8.043.331.757)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.205.416.000)	(2.571.495.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		16.354.307.985	15.617.736.500
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.480.093.379	6.649.735.739
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		11.478.147.073	4.828.411.334
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		15.958.240.452	11.478.147.073


Bùi Thị Lệ Thủy
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tiền thân là Công ty Chế tạo Bơm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/01/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương theo Quyết định số 07/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 12/01/2004 và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp 0800287016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24/03/2004, thay đổi lần thứ 7 ngày 13/12/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 27.586.800.000 đồng; tương đương 2.758.680 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (sản xuất các loại máy bơm, van nước, quạt công nghiệp, tuốc - bin nước, các sản phẩm cơ khí);
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại máy bơm, van nước, quạt công nghiệp, tuốc - bin nước, các sản phẩm cơ khí;
- Kinh doanh , xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình cấp thoát nước, các hệ thống máy bơm, van và các sản phẩm khác của công ty;
- Chế tạo, cung ứng vật tư, thiết bị và lắp đặt các công trình điện hạ thế.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	19.958.368	92.220.229
Tiền gửi ngân hàng	10.938.282.084	6.385.926.844
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	5.000.000.000
	15.958.240.452	11.478.147.073

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam-Chi nhánh Hải Dương với lãi suất 9%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	2.000.000.000	1.400.000.000
	2.000.000.000	1.400.000.000

(*) Bao gồm hai khoản cho Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Sông Tích vay vốn với thời hạn vay 12 tháng và lãi suất cố định là 10%/năm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	6.700.000	21.520.000
Phải thu về người lao động	37.393.200	6.819.320
Phải thu về bảo hiểm xã hội	87.768.127	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	16.056.809	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	10.075.164	-
Phải thu tiền hàng Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	90.000.000	-
Phải thu khác	21.228.334	34.967.670
	269.221.634	63.306.990

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.746.509.815	15.998.180.459
Công cụ, dụng cụ	746.523.206	598.884.889
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.448.404.033	3.340.062.249
Thành phẩm	10.418.902.064	10.465.424.660
Hàng hoá	2.720.394.387	8.521.052.771
Hàng gửi đi bán	803.396.692	487.079.466
	41.884.130.197	39.410.684.494

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	110.088.483	508.506.697
Thuế Thu nhập cá nhân	-	4.542.113
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.132.218.799
	<u><u>110.088.483</u></u>	<u><u>1.645.267.609</u></u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.123.210.603	480.158.020
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.835.446.600	-
	<u><u>2.958.657.203</u></u>	<u><u>480.158.020</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	18.570.483.308	18.825.166.283	7.259.887.040	759.777.735	45.415.314.366
Số tăng trong năm	38.392.448.895	5.964.760.435	3.706.865.073	249.599.546	48.313.673.949
- Mua sắm mới	1.135.021.817	1.869.299.545	1.463.636.364	249.599.546	4.717.557.272
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	37.257.427.078	4.095.460.890	2.243.228.709	-	43.596.116.677
Số giảm trong năm	(74.337.750)	(36.000.000)	-	-	(110.337.750)
- Thanh lý, nhượng bán	(74.337.750)	-	-	-	(74.337.750)
- Giảm khác	-	(36.000.000)	-	-	(36.000.000)
Số dư cuối năm	56.888.594.453	24.753.926.718	10.966.752.113	1.009.377.281	93.618.650.565
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.535.165.346	14.343.337.875	5.348.568.290	449.948.902	30.677.020.413
Số tăng trong năm	2.468.339.746	2.176.704.584	948.073.634	100.686.167	5.693.804.131
- Trích khấu hao	2.468.339.746	2.176.704.584	948.073.634	100.686.167	5.693.804.131
Số giảm trong năm	(16.769.497)	(36.000.000)	-	-	(52.769.497)
- Thanh lý, nhượng bán	(16.769.497)	-	-	-	(16.769.497)
- Giảm khác	-	(36.000.000)	-	-	(36.000.000)
Số dư cuối năm	12.986.735.595	16.484.042.459	6.296.641.924	550.635.069	36.318.055.047
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	8.035.317.962	4.481.828.408	1.911.318.750	309.828.833	14.738.293.953
Số dư cuối năm	43.901.858.858	8.269.884.259	4.670.110.189	458.742.212	57.300.595.518

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

16.136.483.853

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù GPMB cơ sở II	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	453.431.700	2.585.257.553	3.038.689.253
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	453.431.700	2.585.257.553	3.038.689.253
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm		669.864.717	669.864.717
Số tăng trong năm		163.012.158	163.012.158
- Trích khấu hao	-	163.012.158	163.012.158
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm		832.876.875	832.876.875
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	453.431.700	1.915.392.836	2.368.824.536
Số dư cuối năm	453.431.700	1.752.380.678	2.205.812.378

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	7.214.087.895	7.849.700.586
- Nhà máy Cơ khí và Bể thử bơm CSII		7.588.526.109
- Dự án Đầu tư XD NM CTB Hải Dương		174.074.545
- Dây truyền tái sinh cát phân xưởng đúc	-	87.099.932
- Máy tiện đứng 2 trụ 2 đầu dao NM Cơ khí CSII	6.514.894.484	-
- Cầu trục chân quỳ 1 tấn số 1 NM Cơ khí CSII	135.615.858	-
- Cầu trục chân quỳ 1 tấn số 2 NM Cơ khí CSII	114.615.858	-
- Cầu trục chân quỳ 2 tấn số 2 NM Cơ khí CSII	73.412.990	-
- Nhà kho xưởng Cơ khí	23.679.000	-
- Nhà nén khí xưởng đúc	9.480.000	-
- Nhà thay đồ xưởng đúc	76.675.191	-
- Lò nung điện trở tròn bộ	178.000.000	-
- Phòng thử cân bằng động	33.667.000	-
- Bãi để xi lò sau xưởng Đúc	54.047.514	-
	7.214.087.895	7.849.700.586

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	277.073.851	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	818.795.955	-
Chi phí nhà xưởng cũ làm nhà kho		3.638.000
Chi phí bảo trì phần mềm kế toán Bravo		7.584.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	622.380.343	392.205.063
	1.718.250.149	403.427.063

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	22.794.210.980	7.767.478.405
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải Dương (1)	12.794.210.980	7.767.478.405
- Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (2)	10.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.938.000.000	-
(Xem thuyết minh 17)		
	27.732.210.980	7.767.478.405

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải Dương	4.938.000.000	-
	4.938.000.000	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 20.07.12.031.01/HĐTD ngày 20/07/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày cho vay;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi nhưng không thấp hơn lãi suất Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: không có bảo đảm bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung với giá trị tổng tài sản đảm bảo bổ sung tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 19.900.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/TBĐVN-CTB ngày 01/06/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn đầu tư kinh doanh 2012;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng từ ngày 01/06/2012 đến 31/05/2013;
- + Lãi suất cho vay: 09%/năm, có thể thay đổi sau khi 03 tháng xem xét;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	37.020.180	196.496.484
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	626.879.968	433.320.351
Thuế Thu nhập cá nhân	107.992.842	35.325.651
	771.892.990	665.142.486

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	174.806.962	45.743.089
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK (*)	3.070.875.500	3.070.875.500
Phí kiểm toán Báo cáo tài chính	60.000.000	45.000.000
Cước chuyển phát nhanh	-	33.419.591
Phí vận chuyển	-	67.755.000
Chi phí lãi ký quỹ Đại lý	6.000.000	-
	3.311.682.462	3.262.793.180

(*) Đây là khoản phí bản quyền gắn liền hợp đồng mua dây chuyền sản xuất van AVK của hãng AVK Đan Mạch. Tuy nhiên, do dây chuyền không hoạt động không đúng theo công nghệ quy định nên Công ty đang đàm phán để giảm mức phải trả phí bản quyền này.

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí cộng đoàn	88.408.180	114.463.480
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.600.000	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.700.000	-
Phải trả, phải nộp khác	49.809.698	72.028.027
	175.517.878	186.491.507

17 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	6.594.991.410	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải Dương (*)	6.594.991.410	-
	6.594.991.410	-

(*) Hợp đồng tín dụng số 30.03.12.031.01/HĐTD ngày 30/03/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 16.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư xây dựng nhà xưởng cơ khí và bể thử bơm thuộc dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy chế tạo bơm Hải Dương";
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo phương thức thả nổi bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho vay theo quy định của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay không có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung (trong đó tài sản bổ sung hiện tại là toàn bộ nhà xưởng, MMTB của Công ty và tài sản bổ sung trong tương lai là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng cơ khí và bể thử bơm sẽ được bổ sung sau khi hoàn thành)
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 11.532.991.410 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 4.938.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

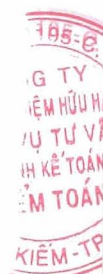
Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	823.000.000	
Trong năm thứ hai	4.938.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ tư	5.771.991.410	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(4.938.000.000)	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>6.594.991.410</u>	<u>-</u>

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Giá trị cho thuê cửa hàng trả trước trong nhiều năm	115.757.576	-
Giá trị hóa đơn xuất trước công trình hoàn thành của Công trình trạm bơm Kinh Thanh	11.709.090.909	-
	<u>11.824.848.485</u>	<u>-</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM 2011						
Số dư đầu năm	17.143.300.000	-	9.305.505.854	650.000.000	3.894.722.780	30.993.528.634
Tăng vốn trong năm	10.443.500.000	4.121.612.131	-	-	-	14.565.112.131
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	8.169.656.390	8.169.656.390
Giảm khác	-	-	-	-	(1.099.743.565)	(1.099.743.565)
Số dư cuối năm	27.586.800.000	4.121.612.131	9.305.505.854	650.000.000	10.964.635.605	52.628.553.590
NĂM 2012						
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	7.848.246.137	7.848.246.137
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.146.500.000)	(1.146.500.000)
Trích lập Quỹ Đầu tư Phát triển	-	-	800.000.000	-	(800.000.000)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(10.207.116.000)	(10.207.116.000)
Số dư cuối năm	27.586.800.000	4.121.612.131	10.105.505.854	650.000.000	6.659.265.742	49.123.183.727

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	17.937.580.000	65,02%	17.937.580.000	65,02%
Vốn góp của cổ đông khác	9.649.220.000	34,98%	9.649.220.000	34,98%
	27.586.800.000	100%	27.586.800.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.586.800.000	27.586.800.000
- Vốn góp đầu năm	27.586.800.000	17.143.300.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	10.443.500.000
- Vốn góp cuối năm	27.586.800.000	27.586.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.207.116.000	

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.758.680	2.758.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.758.680	2.758.680
- Cổ phiếu phổ thông	2.758.680	2.758.680
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.758.680	2.758.680
- Cổ phiếu phổ thông	2.758.680	2.758.680
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.105.505.854	9.305.505.854
Quỹ dự phòng tài chính	650.000.000	650.000.000
	10.755.505.854	9.955.505.854

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	135.850.790.778	138.501.370.251
Doanh thu bán hàng hóa	35.448.617.188	11.946.750.520
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.928.958.432	2.139.809.054
	176.228.366.398	152.587.929.825

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	370.765.000
Giảm giá hàng bán	-	581.582.026
Hàng bán bị trả lại	61.242.909	442.379.532
	61.242.909	1.394.726.558

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	135.789.547.869	137.106.643.693
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	35.448.617.188	11.946.750.520
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	4.928.958.432	2.139.809.054
	176.167.123.489	151.193.203.267

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	101.248.269.443	100.336.653.630
Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.802.457.600	11.604.092.125
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.779.269.327	1.189.118.510
	137.829.996.370	113.129.864.265

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	953.203.281	740.423.709
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	529.532.473	569.260.279
	1.482.735.754	1.309.683.988

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.342.558.724	844.499.129
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	98.855.700	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.640.500	-
Chi phí lãi ký quỹ Đại lý	174.445.890	-
	2.617.500.814	844.499.129

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.042.392.700	739.723.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	408.735.000	406.927.109
Chi phí bảo hành	763.351.500	2.301.108.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.022.304.825	1.549.195.201
Chi phí khác bằng tiền	6.945.923.095	4.864.744.427
	11.182.707.120	9.861.698.719

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.281.625.082	959.283.256
Chi phí nhân công	8.012.363.800	7.246.746.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.000.689.038	859.594.422
Thuế, phí, lệ phí	1.606.347.799	1.287.150.497
Chi phí dự phòng	(1.978.776.791)	4.124.071.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.152.060.765	2.907.449.444
Chi phí khác bằng tiền	406.575.605	600.820.000
	15.480.885.298	17.985.115.613

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**28.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.545.194.852	11.024.449.633
Các khoản điều chỉnh tăng	242.600.006	394.723.337
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	242.600.006	394.723.337
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	10.787.794.858	11.419.172.970
- <i>Thu nhập tính thuế còn lại</i>	10.787.794.858	11.419.172.970
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	2.696.948.715	2.854.793.243
Thuế Thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho nghiệp vụ xuất hóa đơn dịch vụ trước hoàn thành.	41.022.727	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.737.971.442	2.854.793.243
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	433.320.351	109.315.786
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.544.411.825)	(2.530.788.678)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	626.879.968	433.320.351

28.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	41.022.727	-
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	41.022.727	-
	41.022.727	-
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh	(41.022.727)	-
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(41.022.727)	-
	(41.022.727)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.848.246.137	8.169.656.390
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.848.246.137	8.169.656.390
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.758.680	2.250.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.845	3.630

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.529.280.758	81.421.391.307
Chi phí nhân công	34.508.670.200	26.781.176.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.278.311.977	4.261.267.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.771.920.417	7.707.198.654
Chi phí khác bằng tiền	14.405.405.436	15.779.758.307
	164.493.588.788	135.950.792.126

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.958.240.452	-	11.478.147.073	-
Phải thu khách hàng	36.318.280.293	(6.187.218.140)	41.997.128.512	(8.165.994.931)
Phải thu khác	269.221.634	-	63.306.990	-
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	1.400.000.000	-
	54.545.742.379	(6.187.218.140)	54.938.582.575	(8.165.994.931)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	34.327.202.390	7.767.478.405
Phải trả người bán	26.052.473.498	24.252.322.253
Chi phí phải trả	3.311.682.462	3.262.793.180
Phải trả khác	175.517.878	236.376.507
	63.866.876.228	35.518.970.345

Các loại công cụ tài chính của Công ty (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản t:	15.958.240.452			15.958.240.452
Phải thu khách hàng.	36.587.501.927			36.587.501.927
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000			2.000.000.000
Cộng	54.545.742.379	-	-	54.545.742.379
Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản t:	11.478.147.073			11.478.147.073
Phải thu khách hàng.	42.060.435.502			42.060.435.502
Đầu tư ngắn hạn	1.400.000.000			1.400.000.000
Cộng	54.938.582.575	-	-	54.938.582.575

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	27.732.210.980	6.594.991.410	-	34.327.202.390
Phải trả người bán	26.052.473.498	-	-	26.052.473.498
Chi phí phải trả	3.311.682.462	-	-	3.311.682.462
Phải trả khác	175.517.878	-	-	175.517.878
	<u>57.271.884.818</u>	<u>6.594.991.410</u>		<u>63.866.876.228</u>
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	7.767.478.405	-	-	7.767.478.405
Phải trả người bán	24.252.322.253	-	-	24.252.322.253
Chi phí phải trả	3.262.793.180	-	-	3.262.793.180
Phải trả khác	186.491.507	49.885.000	-	236.376.507
	<u>35.469.085.345</u>	<u>49.885.000</u>	<u>-</u>	<u>35.518.970.345</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	135.789.547.869	35.448.617.188	4.928.958.432	176.167.123.489	-	176.167.123.489
Chi phí trực tiếp	101.248.269.443	34.802.457.600	1.779.269.327	137.829.996.370	-	137.829.996.370
Chi phí phân bổ	24.764.143.812	2.250.201.377	777.587.078	27.791.932.267		27.791.932.267
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.777.134.614	(1.604.041.789)	2.372.102.027	10.545.194.852	-	10.545.194.852
Tài sản bộ phận	141.457.966.728	13.020.243.792	1.320.435.729	155.798.646.249	-	155.798.646.249
Tài sản không phân bổ	-	-	-	7.285.326.276	-	7.285.326.276
Tổng tài sản				163.083.972.525	-	163.083.972.525
Nợ phải trả của các bộ phận	29.701.040.538	50.078.023.693	115.757.576	79.894.821.807		79.894.821.807
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	34.065.966.991		34.065.966.991
Tổng nợ phải trả				113.960.788.798	-	113.960.788.798

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2012</u> VND	<u>Năm 2011</u> VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty mẹ	3.293.582.527	2.995.034.451
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty mẹ	33.886.134.377	43.607.077.919

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2012</u> VND	<u>01/01/2012</u> VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty mẹ	90.000.000	-
Phải trả tiền hàng			
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty mẹ	15.244.481.246	17.867.728.233

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2012</u> VND	<u>Năm 2011</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.701.262.400	1.582.602.400

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam kiểm toán.



Bùi Thị Lệ Thủy
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013